Mẫu biểu số 4

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Tân Quan)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện		Ước 6 tháng đầu năm so với dự toán (%)
			6 tháng đầu năm 2026	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	
A	B	1	2	3	4=3/1
	TỔNG CHI NSĐP	**197.921**	**98.729**	**98.729**	**50%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**197.921**	**98.729**	**98.729**	**50%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**38.165**	**21.138**	**21.138**	**55%**
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	38.165	21.138	21.138	**55%**
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-	
II	**Chi trả nợ lãi**			-	
III	**Chi thường xuyên**	**151.661**	**76.438**	**76.438**	**50%**
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	72.629	35.410	35.410	**49%**
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	2.410		-	**0%**
3	Chi quốc phòng	7.499	4.096	4.096	**55%**
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	9.382	2.718	2.718	**29%**
5	Chi kiến thiết thị chính	660	232	232	**35%**
6	Chi bảo vệ môi trường	3.775	457	457	**12%**
7	Chi y tế, dân số và gia đình	110	1.680	1.680	**1527%**
8	Chi Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao	3.146	2.501	2.501	**80%**
9	Chi sự nghiệp phát thanh	340		-	**0%**
10	Chi đảm bảo xã hội	8.456	8.346	8.346	**99%**
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	34.953	20.388	20.388	**58%**
12	Chi khác	8.301	610	610	**7%**
IV	**Chi cho vay**			-	
V	**Chi viện trợ**			-	
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			-	
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	4.261		-	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**	3.834	1.153	1.153	**30%**
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**				
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**			-	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án			-	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách			-	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			-	